

Số: /KH-SYT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi lĩnh vực y tế giai đoạn 2021 - 2025

Triển khai Công văn số 95/BDT-KH TT ngày 08/3/2021 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang về việc chuẩn bị triển khai thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025;

Sở Y tế xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi lĩnh vực y tế giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG Y TẾ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/03/2013 phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020; Quyết định số 2356/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020. Ngành Y tế được UBND tỉnh giao chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh tham mưu, tổ chức thực hiện và cụ thể hóa các mục tiêu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân vùng dân tộc thiểu số giai đoạn đến năm 2020. Sở Y tế đã tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện đến các đơn vị trực thuộc, trong đó tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 16/04/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc triển khai Chiến lược và Chương trình hành động thực hiện công tác dân tộc đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ. Trong giai đoạn từ 2013-2020, Sở Y tế đã triển khai các hoạt động liên quan đến Chiến lược công tác dân tộc lĩnh vực y tế như: Quyết định số 362/2014/QĐ-UBND ngày 20/06/2014 của UBND tỉnh Quy định về hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; triển khai thực hiện dự án Hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới tại tỉnh (trong đó có hoạt động Hỗ trợ mệnh giá thẻ BHYT cho người cận nghèo theo hộ gia đình, hỗ trợ chi phí điều trị kỹ thuật cao cho bệnh nhân là người nghèo, cận nghèo).

Triển khai Nghị quyết số 36/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2019.

Sở Y tế tích cực chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trong ngành triển khai thực hiện Quyết định số 362/2014/QĐ-UBND ngày 20/06/2014 của UBND tỉnh; tổ chức các hoạt động kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn công tác khám, chữa bệnh cho người nghèo, dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách tại các đơn vị y tế từ tỉnh đến xã; kịp thời nắm bắt và giải quyết những khó khăn, bất cập nhằm đảm bảo cho các đối tượng được thụ hưởng đầy đủ các chế độ khi tham gia khám, chữa bệnh theo chính sách hiện hành của Nhà nước.

Tiếp tục chỉ đạo Trung tâm Y tế các huyện/thành phố triển khai hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 04 năm 2015 của Chính phủ.

Phân công các đơn vị trong ngành chỉ đạo và hỗ trợ các xã vùng sâu, vùng xa, xã đặc biệt khó khăn hoàn thành xây dựng Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020; hướng dẫn, đào tạo cho cán bộ y tế tuyến xã các nội dung theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, đặc biệt chú trọng đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho Trưởng trạm y tế xã; đào tạo và đào tạo lại về chuyên môn cho cán bộ y tế xã và y tế thôn bản; đào tạo các kỹ thuật chuyên sâu như: Siêu âm, điện tim, xét nghiệm, đặc biệt quan tâm đến các xã vùng sâu, vùng xa, xã đặc biệt khó khăn; từng bước nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh và hoạt động các chương trình mục tiêu y tế để mọi người dân trong đó là những người nghèo, dân tộc thiểu số được thụ hưởng các dịch vụ y tế có chất lượng ngay từ tuyến y tế cơ sở.

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe được quan tâm, đầu tư nâng cao chất lượng y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay 100% thôn, bản của các xã vùng dân tộc thiểu số có nhân viên y tế thôn bản hoạt động; 100% người dân tộc thiểu số thuộc các xã vùng khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí; 100% trạm y tế các xã vùng dân tộc, miền núi của tỉnh có bác sỹ; 100% các xã có y sỹ sản nhi hoặc nữ hộ sinh. Tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm còn 23,9%; Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 88%; Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 80,2%; Công tác khám, chữa bệnh và đầu tư phát triển y tế vùng dân tộc thiểu số đạt được những kết quả cụ thể như sau:

1. Công tác khám chữa bệnh cho các đối tượng người nghèo, dân tộc thiểu số

Mạng lưới khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập ngày càng được mở rộng và phát triển về quy mô lẫn chất lượng dịch vụ: Số giường bệnh/10.000 dân tăng từ 19,0 (năm 2013) lên 27,0 (năm 2020). Các kỹ thuật chuyên môn khám chữa bệnh ngày càng được mở rộng và phát triển, chất lượng dịch vụ được

nâng lên cơ bản đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là người nghèo, người dân tộc thiểu số.

- Đến nay, các hoạt động khám chữa bệnh cho người nghèo, dân tộc thiểu số, cận nghèo, các đối tượng chính sách xã hội được thực hiện ở 100% các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh. Công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người nghèo, dân tộc thiểu số được các đơn vị từ tuyến tỉnh đến tuyến xã thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả, bảo đảm các nhu cầu khám, chữa bệnh cơ bản cho nhân dân trong tỉnh, đang tiếp tục phát triển các lĩnh vực chuyên sâu như: chẩn đoán hình ảnh bằng CT scanner (TTYT huyện Yên Thế, Sơn Động, Lục Ngạn), lọc máu ngoài thận chu kỳ (TTYT huyện Yên Thế), kỹ thuật X-quang số hóa, các xét nghiệm sinh hóa huyết học hiện đại, ngoại khoa thực hiện các phẫu thuật nội soi ổ bụng, phẫu thuật thận tiết niệu, sọ não, cấp cứu sơ sinh, thở máy dài ngày... Tại các trung tâm y tế huyện và các trạm y tế bảo đảm triển khai các danh mục kỹ thuật điều trị cơ bản theo phân tuyến kỹ thuật.

- Xác định trạm y tế xã là tuyến đầu thực hiện các dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đặc biệt để đối tượng nghèo và cận nghèo được hưởng các dịch vụ y tế, được khám chữa bệnh ngay từ tuyến y tế cơ sở nên việc xây dựng xã đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế đã triển khai tích cực tại các địa phương trong tỉnh. Đến hết năm 2020 đã có 209/209 (100%) xã, phường, thị trấn trong tỉnh đạt Tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020. Chất lượng KCB tại trạm y tế xã ngày càng được cải thiện, đang từng bước lấy được lòng tin của người dân, khi mắc bệnh thông thường thì người bệnh không phải đi lên cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện để khám bệnh chữa bệnh, giảm được thời gian cũng như kinh phí cho người nghèo, dân tộc thiểu số.

Từ năm 2014, ngành Y tế tỉnh Bắc Giang đã triển khai dự án Hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới, với hoạt động mở rộng phạm vi bao phủ của bảo hiểm y tế cho đối tượng người cận nghèo thông qua việc hỗ trợ mua thẻ BHYT (Chính phủ hỗ trợ 70%, Dự án hỗ trợ 20% và ngân sách tỉnh hỗ trợ 10% kinh phí cho một đầu thẻ) cho tất cả các đối tượng cận nghèo trong toàn tỉnh, trong giai đoạn 2015-2020 đã hỗ trợ được 275.721 thẻ bảo hiểm y tế cận nghèo với mức hỗ trợ 36.117 triệu đồng; 100% người dân tộc thiểu số vùng miền núi khó khăn được hỗ trợ thẻ BHYT từ nguồn ngân sách nhà nước. Hoạt động truyền thông về BHYT tới người dân được dự án triển khai bằng các hình thức như: Tuyên truyền trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang; tổ chức truyền thông về BHYT trong các bệnh viện cho người bệnh và gia đình; cấp phát tờ rơi về truyền thông BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh trong tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 362/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 Quy định về hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Giai đoạn 2015 - 2020 đã hỗ trợ cho 81.520 lượt đối tượng là hộ nghèo, đối tượng chính sách, dân tộc thiểu số, người mắc bệnh hiểm nghèo khó khăn với tổng số tiền 39,9 tỷ đồng.

2. Công tác đầu tư, hỗ trợ y tế cho vùng khó khăn

- Ngành Y tế tỉnh Bắc Giang triển khai các chính sách hỗ trợ cho cán bộ y tế công tác vùng khó khăn như: Phụ cấp thu hút cho cán bộ y tế công tác vùng khó khăn: 70% trong 05 năm; hỗ trợ cho cán bộ y tế đi học nâng cao chuyên môn (học phí, đi lại); trợ cấp ra khỏi vùng khó khăn.

Từ năm 2015 đến nay, Sở Y tế đã triển khai xây mới cơ sở vật chất cho 15 trạm y tế thuộc các xã/thị trấn: thị trấn Thanh Sơn, các xã Lệ Viễn, An Bá (Sơn Động); các xã Đồng Cốc, Biên Sơn, Trù Hựu, Phú Nhuận (Lục Ngạn), xã Tam Tiến (Yên Thế), các xã Việt Ngọc, An Dương, Tân Trung, Liên Chung, Lan Giới, Ngọc Lý (Tân Yên); xã Đồng Phúc (Yên Dũng) bằng nguồn vốn hỗ trợ của EU.

3. Dân số - kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em

- Hàng năm Sở Y tế chỉ đạo, giám sát các đơn vị y tế cơ sở duy trì thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em tại cộng đồng như: Cân và chắm biểu đồ tăng trưởng cho trẻ dưới 2 tuổi (3 tháng/lần); theo dõi cân nặng hàng tháng đối với trẻ dưới 2 tuổi bị suy dinh dưỡng; lồng ghép chiến dịch cân, đo trẻ em dưới 5 tuổi với bổ sung vi chất dinh dưỡng vào ngày 01 tháng 6.

- Giai đoạn 2015-2020, Sở Y tế đã triển khai Dự án “Một cộng đồng cho tất cả! Sức khỏe và giáo dục cho trẻ khuyết tật thuộc các dân tộc thiểu số miền Bắc Việt Nam” do Tổ chức GTV-CIAI (Italia) viện trợ với số tiền 155.935 Euro tương đương 3.744 triệu đồng tại huyện Sơn Động với mục tiêu: Thúc đẩy hòa nhập xã hội và trong trường học đối với trẻ khuyết tật thuộc vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện Sơn Động.

- Trong giai đoạn này, Sở Y tế đã phối hợp với các cơ quan có liên quan hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con theo đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/04/2015 của Chính phủ là 937 đối tượng với mức kinh phí hỗ trợ là 1.874 triệu đồng (02 triệu đồng/người).

- Các chỉ tiêu về Chăm sóc sức khỏe sinh sản được cải thiện rõ rệt: Tỷ lệ phụ nữ sinh con được khám thai 3 lần trở lên trong 3 thai kỳ duy trì ở mức trên 99%; các chỉ số (tỷ suất chết bà mẹ liên quan đến thai sản, tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi, tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi) đều ở mức thấp hơn so với mức trung bình toàn quốc; tỷ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại luôn đạt trên 70% (tương đương mức trung bình toàn quốc).

- Tuy nhiên, tỷ suất sinh con của người dân tộc còn khá cao 2,38 con/phụ nữ; tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em dân tộc thiểu số còn ở mức cao so với mặt bằng chung của toàn tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

- Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo đã được sự quan tâm cộng đồng. Hàng năm các cấp ủy Đảng, chính quyền đã đưa chỉ tiêu về hỗ trợ y tế cho người nghèo, dân tộc thiểu số vào nghị quyết, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để lãnh đạo, chỉ đạo.

- Đã có 100% cơ sở y tế công lập trong tỉnh triển khai hoạt động khám chữa bệnh cho người nghèo, dân tộc thiểu số và các đối tượng chính sách. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế được tăng cường, nhiều cơ sở đã được đầu tư để xây mới, sửa chữa, nâng cấp, mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.

- Đội ngũ cán bộ y tế các tuyến thường xuyên được đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, quản lý để từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Chất lượng khám chữa bệnh ở các tuyến được nâng lên, nhiều kỹ thuật mới được áp dụng có hiệu quả góp phần tạo điều kiện cho người nghèo được tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng ở tất cả các tuyến.

2. Khó khăn, tồn tại

- Chất lượng khám chữa bệnh ở tuyến y tế cơ sở còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của người dân, do đó những trường hợp phải chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh sẽ có chi phí cao hơn vì vậy người bệnh gặp nhiều khó khăn đặc biệt là những người dân tộc thiểu số, các xã vùng sâu, vùng xa.

- Sự tham gia của một số cấp ủy, đảng, chính quyền, ban ngành chưa thực sự mạnh mẽ và sâu sắc đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, còn tồn tại quan niệm chăm sóc sức khỏe là của riêng ngành y tế.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN Y TẾ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bắc Giang cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc và tuổi thọ.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tỷ lệ người dân thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.
- Tỷ lệ phụ nữ có thai vùng đồng bào DTTS và miền núi được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế đạt trên 95%.
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào DTTS và miền núi < 13,0%;
- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào DTTS và miền núi < 22,5%;
- Giảm tỷ số tử vong mẹ tại vùng đồng bào DTTS và miền núi xuống còn 40 bà mẹ/100.000 trẻ đẻ sống;
- Giảm tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi tại vùng đồng bào DTTS và miền núi xuống còn 13‰;
- Giảm tỷ lệ phụ nữ vị thành niên sinh con tại vùng đồng bào DTTS và miền núi xuống còn 6,5‰.

II. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN HỖ TRỢ

1. Dự kiến tổng mức vốn và cơ cấu nguồn lực thực hiện chương trình

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Giai đoạn 2021-2025
	Tổng mức vốn	33.813
1	Ngân sách Trung ương	23.063
	- Vốn đầu tư phát triển	4.000
	- Vốn sự nghiệp	19.063
2	Ngân sách Địa phương	10.750
	- Vốn đầu tư phát triển	0
	- Vốn sự nghiệp	10.750
3	Vốn tín dụng chính sách	0
4	Vốn huy động khác	0

(Chi tiết tại Phụ lục I và II)

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em gồm 03 hợp phần với tổng số 26 hoạt động, cụ thể như sau:

1. Hợp phần 1. Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

1.1. Hoạt động 1.1. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho TYT xã

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho 05 trạm y tế xã ĐBK (trạm y tế chưa kiên cố, đã xuống cấp và hư hỏng) thuộc huyện Sơn Động (gồm các trạm y tế xã: An Lạc, Hữu Sản, Thanh Luận, Đại Sơn, Cẩm Đàn). Dự kiến kinh phí cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất: 800 triệu đồng/trạm y tế.

- Mua sắm, bổ sung trang thiết bị y tế thiết yếu (theo Thông tư số 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ Y tế quy định danh mục trang thiết bị tối thiểu của trạm y tế tuyến xã) cho 28 trạm y tế xã ĐBK. Dự kiến kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế thiết yếu: 280 triệu đồng/trạm y tế.

1.2. Hoạt động 1.2. Cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho TTYT huyện Sơn Động

Mua sắm, bổ sung trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Sơn Động để phục vụ công tác phòng bệnh, khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn. Dự kiến kinh phí mua sắm trang thiết bị: 6.121 triệu đồng.

1.3. Hoạt động 1.3. Đào tạo nhân lực y tế cho các huyện nghèo và cận nghèo vùng khó khăn

Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh nói chung và các huyện nghèo, vùng dân tộc, miền núi nói riêng theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 của HĐND tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025.

1.4. Hoạt động 1.4. Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật về trạm y tế xã

Tuyên huyện tiếp tục thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; tăng cường cử cán bộ hỗ trợ, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho tuyến xã, đặc biệt là các xã vùng dân tộc và miền núi theo Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày 20/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

1.5. Hoạt động 1.5. Đào tạo y học gia đình cho nhân viên TYT xã

Hàng năm, căn cứ nhu cầu đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là đào tạo sau đại học cho bác sỹ chuyên ngành y học gia đình của tuyến huyện, xã. Sở Y tế phối hợp, ký kết hợp đồng đào tạo với các trường Đại học Y

Dược trong nước tổ chức đào tạo tại tỉnh cho đội ngũ cán bộ y tế, đặc biệt là y tế cơ sở.

2. Hợp phần 2. Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS & MN đến năm 2030.

2.1. Hoạt động 2.1. Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Truyền thông, vận động chính sách, pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình; Tổ chức tư vấn chuyên môn tại cộng đồng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh: Cấp phát các tài liệu truyền thông (tờ rơi, pano, phướn thả); tổ chức tuyên truyền trên Đài phát thanh của 05 huyện và 73 xã vùng dân tộc, miền núi trên địa bàn tỉnh. Mỗi năm, tổ chức khoảng 10 hội nghị truyền thông tư vấn sàng lọc trước sinh và sơ sinh tại vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị y tế kết hợp với tăng cường năng lực cán bộ chuyên môn kỹ thuật theo hướng mở rộng, phổ cập dịch vụ tới tuyến cơ sở: Đào tạo, tập huấn cho cán bộ y tế kỹ năng tư vấn và thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; tập huấn nâng cao năng lực truyền thông có cán bộ dân số xã và thôn, bản các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh: Mỗi năm, tổ chức khoảng 10 hội nghị tư vấn sức khỏe, kiến thức hôn nhân, sức khỏe sinh sản cho nam, nữ tuổi vị thành niên - thanh niên chuẩn bị kết hôn, phụ nữ mang thai.

- Hỗ trợ nam, nữ thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; hỗ trợ bà mẹ thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh: Mỗi năm tổ chức khám sức khỏe cho khoảng 500 nam, nữ vị thành niên - thanh niên và phụ nữ có thai trên địa bàn các huyện vùng dân tộc và miền núi.

2.2. Hoạt động 2.2. Đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số nhanh

- Tăng cường tuyên truyền, vận động; xây dựng môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc, nâng cao sức khỏe người cao tuổi: Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng (báo, Đài Phát thanh và Truyền hình) tuyên truyền các nội dung về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (cách phòng, chống một số bệnh không lây nhiễm). Mỗi năm tổ chức 03 lớp tập huấn hoặc hội thảo cho các đại biểu là lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp về chăm sóc và nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông, tư vấn và khám sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng, bao gồm cả khuyến khích, hỗ trợ người cao tuổi tham gia: Dự kiến tổ chức 15 cuộc/năm tại 05 huyện vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Bổ sung trang thiết bị, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cơ sở y tế để tổ chức khám sức khỏe định kỳ và tư vấn, chăm sóc, nâng cao sức khỏe

người cao tuổi tại cộng đồng: Hỗ trợ 73 trạm y tế xã vùng đồng bào DTTS và miền núi bộ máy đo huyết áp điện tử (01 bộ/trạm y tế) phục vụ công tác khám sức khỏe định kỳ và tư vấn, chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng. Đồng thời, tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cho cán bộ y tế.

2.3. Hoạt động 2.3. Ổn định và phát triển dân số của đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu vực biên giới

- Tuyên truyền, vận động chính sách, pháp luật về dân số, cư trú phù hợp tâm lý, tập quán của đồng bào sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về dân số tại 05 huyện trên địa bàn tỉnh (mỗi huyện 01 hội nghị/năm).

- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ dân số tại các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình phù hợp tại các cơ sở y tế: Tổ chức tại 05 huyện (mỗi huyện 03 hội nghị/năm).

- Kiểm soát, quản lý dân số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Rà soát thông tin, cơ sở dữ liệu; củng cố, kiện toàn kho dữ liệu chuyên ngành dân số; chia sẻ, kết nối với cơ sở dữ liệu các ngành liên quan: Mua sắm bộ máy vi tính phục vụ quản lý kho dữ liệu chuyên ngành về dân số cho 05 trung tâm y tế huyện và 73 trạm y tế xã vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Khảo sát đề xuất chính sách dân số, thử nghiệm mô hình can thiệp với đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tiến hành khảo sát đề xuất về chính sách dân số, đồng thời áp dụng thử nghiệm các mô hình can thiệp liên quan đến chính sách dân số tại 73 xã thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi.

2.4. Hoạt động 2.4. Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ y tế, dân số, cộng tác viên dân số về chuyên môn kỹ thuật; nghiệp vụ quản lý dân số: Tổ chức tập huấn nghiệp vụ quản lý dân số cho 100 % cán bộ làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở.

- Quản lý, giám sát, theo dõi, đánh giá tiến độ và kết quả triển khai hoạt động dân số: Tổ chức các hội nghị triển khai dự án nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hội nghị tổng kết, đánh giá dự án nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Tổ chức kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các hoạt động thuộc dự án.

2.5. Hoạt động 2.5. Phòng chống bệnh Thalassemia tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Thay đổi và nâng cao nhận thức, thái độ, hành vi của cộng đồng người dân tộc thiểu số trong việc thực hành sàng lọc bệnh Thalassemia: Tổ chức tuyên

truyền (pano, tờ rơi) và lồng ghép tuyên truyền trên Đài phát thanh tại huyện, xã; lồng ghép trong các hội nghị truyền thông tư vấn tại 73 xã thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ y tế cơ sở nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế trong việc chẩn đoán, điều trị, chăm sóc và tư vấn phòng bệnh, giảm thiểu các biến chứng của cơ sở y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

- Xây dựng mô hình tầm soát và quản lý bệnh di truyền Thalassemia cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Mỗi huyện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thành lập 01 mô hình tầm soát và quản lý bệnh di truyền Thalassemia.

- Hỗ trợ xây dựng và ban hành các văn bản pháp lý, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chuyên môn có liên quan đến chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Thalassemia: Biên tập, sản xuất 400 quyển tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chuyên môn có liên quan đến chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Thalassemia.

3. Hợp phần 3. Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ-trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số

3.1. Nhóm hoạt động 3.1 - Chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

a) Hoạt động 3.1.2: Tập huấn cho cán bộ y tế tuyến tỉnh về chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và bà mẹ nuôi con nhỏ.

Hàng năm, cứ từ 04 - 05 cán bộ y tế tuyến tỉnh tham gia tập huấn về chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và bà mẹ nuôi con nhỏ để đảm bảo dinh dưỡng hợp lý. Cập nhật kiến thức hàng năm. Đối tượng được lựa chọn là các bộ y tế tuyến tỉnh thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ nhỏ.

b) Hoạt động 3.1.3: Tập huấn cán bộ tuyến tỉnh về chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời.

Mỗi năm, cứ 05 cán bộ y tế tuyến tỉnh tham gia tập huấn về chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời (nuôi con bằng sữa mẹ, ăn bổ sung hợp lý, theo dõi tăng trưởng) tại tuyến trung ương.

c) Hoạt động 3.1.4: Tập huấn cán bộ y tế tuyến tỉnh về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho PNMT, bà mẹ và trẻ em.

Cử cán bộ y tế tuyến tỉnh tập huấn về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ em. Cập nhật kiến thức hàng năm. Đối tượng được lựa chọn là các bộ y tế tuyến tỉnh thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai, bà mẹ và trẻ nhỏ. Tổng số cán bộ được tập huấn dự kiến là 20 cán bộ trong giai đoạn 2021 - 2025.

d) Hoạt động 3.1.5: Tập huấn cán bộ y tế tuyến tỉnh về quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng, chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ trẻ em trong tình huống khẩn cấp cấp, thiên tai.

Cử cán bộ y tế tuyến tỉnh tham gia tập huấn về quản lý suy dinh dưỡng cấp tính tại cộng đồng, chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ trẻ em trong tình huống khẩn cấp, thiên tai. Cập nhật kiến thức hàng năm. Đối tượng được lựa chọn là các bộ y tế tuyến tỉnh thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Dự kiến khoảng 20 cán bộ y tế tuyến tỉnh được tập huấn.

e) Hoạt động 3.1.6: Tập huấn cho cán bộ y tế tuyến huyện, xã, thôn bản về chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và nuôi con nhỏ, chăm sóc dinh dưỡng trẻ em, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, quản lý suy dinh dưỡng cấp tính.

Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ y tế tuyến huyện, xã, thôn bản về chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và nuôi con nhỏ, chăm sóc dinh dưỡng trẻ em, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, quản lý suy dinh dưỡng cấp tính và cập nhật kiến thức hàng năm. Dự kiến tập huấn cho 180 cán bộ y tế của 4 huyện và 28 xã ĐBKK trong giai đoạn 2021 - 2025.

f) Hoạt động 3.1.7: Cung cấp viên đa vi chất cho phụ nữ mang thai.

Cung cấp viên đa vi chất cho phụ nữ có thai từ khi phát hiện mang thai đến 01 tháng sau sinh tại 28 xã ĐBKK trên địa bàn tỉnh (180 viên/phụ nữ mang thai). Khoảng 336 phụ nữ mang thai được cung cấp viên đa vi chất trong 5 năm.

g) Hoạt động 3.1.8: Cấp phát gói bột/cháo dinh dưỡng công thức ăn liền cho trẻ suy dinh dưỡng đưỡng (căn cứ tham vấn và thẩm định dinh dưỡng của Viện Dinh dưỡng quốc gia).

Cấp phát gói bột/cháo dinh dưỡng công thức ăn liền cho trẻ suy dinh dưỡng trong độ tuổi từ 6 tháng đến 23 tháng tuổi để bổ sung vào bữa bột/cháo (theo khuyến cáo của WHO) (khoảng 60 gói/trẻ/đợt x 2 đợt/năm). Dự kiến Khoảng 140 trẻ trong độ tuổi từ 6 tháng - 23 tháng tuổi/năm tại 28 xã ĐBKK của tỉnh được bổ sung gói bột/cháo dinh dưỡng công thức ăn liền.

h) Hoạt động 3.1.10: Quản lý suy dinh dưỡng cấp tại cộng đồng.

Quản lý suy dinh dưỡng cấp tại cộng đồng: Mỗi trẻ suy dinh dưỡng cấp sẽ được điều trị bằng sản phẩm dinh dưỡng (căn cứ tham vấn và thẩm định dinh dưỡng của Viện Dinh dưỡng quốc gia). Dự kiến mỗi năm khoảng 56 trẻ dưới 5 tuổi thuộc 28 xã ĐBKK được quản lý và điều trị bằng sản phẩm dinh dưỡng.

i) Hoạt động 3.1.11: Giám sát, theo dõi, đánh giá tiến độ và kết quả triển khai hoạt động 3.1 phòng chống suy dinh dưỡng

- Mỗi năm, ngành Y tế tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ và kết quả triển khai các hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng tại các cơ sở y tế, đặc biệt là các huyện, xã vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Tổ chức các hội thảo: Hướng dẫn triển khai các hoạt động thuộc chương trình; đánh giá kết quả giữa kỳ và tổng kết hoạt động trong cả giai đoạn.

3.2. Nhóm hoạt động 3.2 - Chăm sóc sức khỏe, giảm tử vong bà mẹ, trẻ em

a) Hoạt động 3.2.1: Nâng cao năng lực về kiến thức, kỹ năng làm mẹ an toàn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em cho cán bộ y tế để thực hiện các gói dịch vụ can thiệp nhằm giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh tại các tỉnh.

- Cử 40 lượt cán bộ tuyến tỉnh (8 cán bộ/năm) làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em được đào tạo (3-5 ngày/khóa) tại Trung ương về cập nhật kiến thức làm mẹ an toàn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em (trong đó tập trung đào tạo các nội dung như kỹ năng của người đỡ đẻ, xử trí, cấp cứu tai biến sản khoa).

- Đào tạo giảng viên cho 06 cán bộ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trường Trung cấp Y tế, Bệnh viện Sản Nhi tại Trung ương để triển khai đào tạo cô đỡ thôn, bản. Mỗi khóa đào tại dự kiến 05 ngày.

- Đào tạo giảng viên tuyến huyện (05 huyện có xã thuộc vùng can thiệp, mỗi huyện 4 giảng viên) tại Trung ương về các nguy cơ, hậu quả của việc mang thai tuổi vị thành niên để triển khai giảng dạy cho các giáo viên/cán bộ phụ trách công tác đoàn, đội/cán bộ y tế tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn.

- Tổ chức 10 lớp tập huấn, mỗi lớp 04 ngày (30 học viên/lớp), cho 300 lượt cán bộ trung tâm y tế thuộc 05 huyện vùng đồng bào DTTS và miền núi; 10 lớp cho cán bộ y tế xã, 438 lượt học viên của 73 xã vùng đồng bào DTTS và miền núi (khu vực II, III) về làm mẹ an toàn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Nội dung tập huấn: Kỹ năng của người đỡ đẻ, xử trí, cấp cứu tai biến sản khoa thường gặp.

- Tập huấn, cập nhật kiến thức cho 30 cô đỡ thôn bản/y tế thôn bản, tại 28 xã ĐBKK về: Quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ; hồi sức sơ sinh ngay tại chỗ; tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ; chuyển tuyến an toàn cho bà mẹ và sơ sinh dựa vào cộng đồng; kỹ năng truyền thông trực tiếp; phát hiện các yếu tố nguy cơ cho bà mẹ và trẻ sơ sinh; hướng dẫn bà mẹ sử dụng sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em.

- Tổ chức 08 lớp tập huấn cho 146 giáo viên/cán bộ đoàn trường/cán bộ y tế của các trường trung học cơ sở tại 73 xã vùng đồng bào DTTS và miền núi về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên (tập trung vào các nguy cơ, hậu quả của việc mang thai tuổi vị thành niên).

b) Hoạt động 3.2.2: Các gói hỗ trợ bà mẹ, trẻ sơ sinh vùng ĐBKK tiếp cận tới các dịch vụ chăm sóc bà mẹ và sơ sinh có chất lượng.

- Mỗi năm dự kiến hỗ trợ cho 3.360 phụ nữ đẻ tại 28 xã ĐBKK chi trả tiền xét nghiệm các dịch vụ sàng lọc không được BHYT chi trả, bao gồm: Xét nghiệm Protein niệu; 03 bệnh lây truyền từ mẹ sang con (HIV, Viêm gan B và Giang mai) với mức hỗ trợ khoảng 172.000đ/người (theo mức giá viện phí hiện hành). Trong đó: kinh phí Trung ương hỗ trợ 60%, kinh phí địa phương hỗ trợ 40%.

- Hỗ trợ kinh phí mua test Protein niệu cấp phát cho cô đỡ thôn bản/y tế thôn bản để thực hiện xét nghiệm nước tiểu cho phụ nữ mang thai tại 28 xã ĐBKK (3 que thử/thời kỳ mang thai/bà mẹ; dự kiến 10.080 que thử/năm).

c) *Hoạt động 3.2.3: Nâng cao chất lượng thẩm định tử vong mẹ, tử vong sơ sinh.*

- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ tuyến tỉnh (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi) về thẩm định tử vong mẹ tại Trung ương.

- Giai đoạn 2021 - 2025, dự kiến tổ chức khoảng 10 hội nghị thẩm định tử vong mẹ, tử vong sơ sinh tại tỉnh.

3.3. Nhóm hoạt động 3.3 - Tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ - trẻ em

a) *Hoạt động 3.3.4. Phát động và triển khai Tuần Lễ Làm mẹ an toàn tại tuyến cơ sở vào tháng 10 hằng năm.*

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền triển khai, hưởng ứng Tuần Lễ Làm mẹ an toàn do Bộ Y tế phát động với mục tiêu trên 80% phụ nữ mang thai ở địa bàn dự án được tiếp cận các dịch vụ tư vấn, khám thai, xét nghiệm 3 bệnh lây truyền và đảm bảo dinh dưỡng hợp lý. Hình thức tuyên truyền: Băng rôn, khẩu hiệu, phát thanh trên đài truyền thanh tại 73 xã vùng đồng bào DTTS và miền núi.

b) *Hoạt động 3.3.5. Phát triển, xây dựng và in các sản phẩm truyền thông phù hợp với bối cảnh văn hóa của từng dân tộc, gồm tờ rơi, áp phích, tranh lật, sách mỏng.*

In ấn các sản phẩm, thông điệp truyền thông phù hợp với bối cảnh văn hóa của từng dân tộc (theo mẫu của Bộ Y tế) cấp phát cho phụ nữ mang thai, các hộ gia đình thuộc địa bàn các xã vùng đồng bào DTTS và miền núi. Dự kiến mỗi năm in ấn 30.000 tờ rơi; 300 áp phích; 200 quyển tranh lật, sách mỏng.

c) *Hoạt động 3.3.6. Phát triển, xây dựng các sản phẩm truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em phù hợp với bối cảnh văn hóa của từng dân tộc, bao gồm tin bài, video phổ biến kiến thức, phóng sự, trailer quảng bá, bài phát thanh...trên các phương tiện truyền thông đại chúng và mạng xã hội.*

Xây dựng các phóng sự phổ biến kiến thức về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; xây dựng các tin, bài phát thanh trên hệ thống truyền thông tại 73 xã vùng đồng bào DTTS và miền núi. Dự kiến mỗi năm xây dựng 02 phóng sự trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, 3.500 lượt phát thanh tại các xã thuộc dự án.

d) *Hoạt động 3.3.7. Nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ các cấp bao gồm cán bộ y tế và ban, ngành, đoàn thể cấp cơ sở về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em.*

- Đào tạo, tập huấn giảng viên tuyến tỉnh về kiến thức và kỹ năng truyền thông chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em để triển khai tập huấn cho cán bộ y tế cơ sở và cán bộ ban, ngành, đoàn thể tại tỉnh (dự kiến 05 giảng viên tuyến tỉnh).

- Tổ chức 18 lớp tập huấn cho cán bộ cho y tế tuyến xã và cán bộ các ban, ngành, đoàn thể về kiến thức và kỹ năng truyền thông chăm sóc sức khỏe bà mẹ

- trẻ em tại 73 xã vùng đồng bào DTTS và miền núi. Dự kiến 730 học viên (04 xã/lớp, mỗi xã 10 người).

- Triển khai lồng ghép các nội dung truyền thông về chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em vào hoạt động thường quy của trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã và các ban, ngành, đoàn thể tại cộng đồng.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quản lý nhà nước

- Tích cực tham mưu với Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh về một số vấn đề trọng tâm trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là vùng đồng bào DTTS và miền núi. Tiếp tục thực hiện chính sách an sinh xã hội đối với các xã, thôn trên địa bàn được phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/04/2017 và Quyết định số 103/QĐTTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg ngày 01/03/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc khám chữa bệnh cho người nghèo.

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trong ngành triển khai thực hiện tốt Quyết định số 362/2014/QĐ-UBND ngày 20/06/2014 Quy định về hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ ban hành quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

- Nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể về tầm quan trọng và các nội dung về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, làm mẹ an toàn tại các xã miền núi, khó khăn; đưa các chỉ tiêu về giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng trẻ em, giảm tử vong mẹ, tử vong trẻ em vào chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của các địa phương để tổ chức triển khai thực hiện hàng năm.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý chương trình tuyến tỉnh, huyện, xã về công tác lập kế hoạch, theo dõi, giám sát đánh giá hiệu quả của chương trình tại các xã can thiệp.

- Tăng cường công tác theo dõi, giám sát, thống kê, báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Dự án theo quy định.

2. Củng cố tổ chức và phát triển hệ thống y tế

- Tiếp tục mở rộng quy mô giường bệnh của trung tâm y tế các huyện thuộc địa bàn vùng đồng bào DTTS và miền núi để đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân; đến năm 2025, mỗi trung tâm y tế đạt trung bình từ 200 - 300 giường bệnh.

Tập trung triển khai chủ trương đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 1656/KH-UBND ngày 22/05/2017 của UBND tỉnh và Chương trình hành động số 1379/CTr-BYT

ngày 19/12/2017 của Bộ Y tế về triển khai thực hiện Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

+ **Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế xã, phường, thị trấn, tập trung vào các nhiệm vụ chính thuộc lĩnh vực y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu:** Theo dõi, tư vấn về sức khỏe; chăm sóc giảm nhẹ; phục hồi chức năng; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em; mở rộng phạm vi triển khai quản lý, điều trị ngoại trú một số bệnh không lây nhiễm; theo dõi, quản lý sức khỏe cho người dân trên địa bàn.

+ **Triển khai xây dựng mô hình thí điểm trạm y tế tuyến xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, phòng khám bác sĩ gia đình cùng làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh và khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn.**

3. Công tác đào tạo phát triển nhân lực y tế

- **Triển khai hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/07/2020 Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 895/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 về việc Phê duyệt Đề án đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.**

- **Tiếp tục thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày 20/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ để đào tạo, chuyển giao kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ y tế.**

- **Đào tạo, tập huấn: Cập nhật kịp thời cho cán bộ quản lý tuyến tỉnh, huyện, xã về kiến thức chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và dân số kế hoạch hóa gia đình; nâng cao năng lực về công tác truyền thông, đặc biệt là kỹ năng truyền thông trực tiếp cho mạng lưới cán bộ y tế, y tế thôn bản.**

4. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn y tế và dân số - KHHGD

4.1. Truyền thông giáo dục sức khỏe

- **Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đồng bộ trên tất cả các kênh thông tin đại chúng nhằm tiếp tục củng cố nhận thức của các cấp chính quyền và người dân về tầm quan trọng, vai trò và tính liên tục của công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và công tác dân số - KHHGD trong chiến lược phát triển nhanh và bền vững của tỉnh.**

- **Ký kết và phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông, lồng ghép tuyên truyền, tư vấn và thực hiện công tác y tế, dân số vào hoạt động thường xuyên của các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh để đa dạng hoá các kênh tuyên truyền, thực hiện chuyển đổi đối tượng tuyên truyền thành chủ thể tuyên truyền nhằm phát huy tính chủ động của các ngành, các cấp trong thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch về y tế, dân số tại vùng đồng bào DTTS và miền núi.**

- **Củng cố hoạt động truyền thông thường xuyên ở các tuyến; đa dạng hóa các hoạt động truyền thông; tăng cường các hoạt động truyền thông chuyên đề;**

Kết hợp sử dụng tài liệu truyền thông (tờ rơi, sách nhỏ, tranh lật, áp phích, băng zon...) để nâng cao hiệu quả công tác truyền thông tại địa bàn thực hiện dự án.

- Tiếp tục tăng cường và đổi mới phương pháp truyền thông để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông: tập trung vào đối tượng là nam giới, đối tượng có nguy cơ sinh lần 3+ và đối tượng vị thành niên, thanh niên ở địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng xa; lựa chọn thời gian, hình thức và nội dung truyền thông, tư vấn phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng vùng, miền và các đối tượng khác nhau.

4.2. Y tế dự phòng:

- Chủ động phòng, chống dịch bệnh; phát hiện sớm, kịp thời không chế không để dịch lớn xảy ra; ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng tại tỉnh; duy trì kết quả thanh toán bệnh phong và bại liệt; loại trừ uôn ván rốn sơ sinh; giảm số mắc và chết các bệnh truyền nhiễm.

- Tập trung chỉ đạo các hoạt động dự phòng gắn với y tế cơ sở như: Chế độ dinh dưỡng hợp lý; bảo đảm an toàn thực phẩm; vận động toàn dân giữ gìn vệ sinh môi trường; không hút thuốc lá, không lạm dụng rượu bia; phòng, chống bệnh nghề nghiệp. Duy trì các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi; khám, tư vấn và xét nghiệm sàng lọc cho phụ nữ có thai, phòng các bệnh lây nhiễm từ mẹ sang con, phát hiện sớm ung thư đường sinh sản.

4.3. Khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh tại các tuyến; tiếp tục nâng cao chất lượng bệnh viện, phấn đấu hàng năm tất cả cơ sở khám, chữa bệnh tăng điểm chất lượng theo tiêu chí của Bộ Y tế; từng bước triển khai thực hiện kiểm định độc lập, đánh giá chất lượng dịch vụ, phân hạng bệnh viện theo chất lượng.

- Đẩy mạnh phát triển y dược cổ truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo; thực hiện tốt chính sách khám, chữa bệnh BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

4.4. Dân số - KHHGD và chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em:

- Tiếp tục ưu tiên thực hiện các mục tiêu: Giảm tỷ lệ sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số. Mở rộng cung cấp các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm một số bệnh, tật trước khi sinh và sơ sinh, dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân. Mở rộng các kênh tiếp thị xã hội và xã hội hóa nhằm cung ứng kịp thời, đầy đủ các phương tiện tránh thai hiện đại đến mọi đối tượng có nhu cầu; bảo đảm hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

- Thúc đẩy các can thiệp nhằm cải thiện sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tử vong bà mẹ và trẻ sơ sinh; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình chuyên môn để phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp cấp cứu sản khoa và sơ sinh, trong đó chú trọng đến hoạt động quản lý sức khỏe bà mẹ, trẻ em ở tuyến y tế cơ sở và y tế tư nhân.

5. Hạ tầng, trang thiết bị y tế

- Tranh thủ các nguồn lực để đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho trạm y tế các xã đặc biệt khó khăn nhằm phục vụ phát triển kỹ thuật và chất lượng hoạt động chuyên môn. Giai đoạn 2021 - 2025, tập trung cải tạo cơ sở vật chất cho 05 trạm y tế đặc biệt khó khăn của huyện Sơn Động, bao gồm trạm y tế xã: An Lạc, Hữu Sản, Thanh Luận, Đại Sơn, Cẩm Đàn.

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ phát triển chuyên môn kỹ thuật cho Trung tâm Y tế huyện Sơn Động và 28 trạm y tế xã ĐBKK trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm thực hiện tốt công tác đấu thầu trang thiết bị y tế theo Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/07/2020 của Bộ Y tế Quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập./.

Nơi nhận:

- Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thu Hương